

Số: 554/2021/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 635/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Xuân K, sinh năm 1974

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1972

Đều có HKTT: SN 01, tổ 11, phường CG, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51,54, 55, 56, 57, 58; Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Xuân K và chị Bùi Thị Q

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân K và chị Bùi Thị Q nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên nhất trí thỏa thuận, con chung là Trần Thị Lan H, sinh ngày 11/02/1995 đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Chị Bùi Thị Q sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần Như Q, sinh ngày 30/01/2007 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Trần Như Q 1.500.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác. Anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Trần Xuân K nhận nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000541 ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Cam Giá, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

